

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HÀ ĐÔNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----  
Bản án số: 791/2023/HNGĐ  
Ngày 31 tháng 10 năm 2023  
“Về việc: xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Tường Thị Huyền  
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phùng Văn Tàu – Bà Nguyễn Thị Tiến  
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 551/2023/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2023 về việc “ Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ông NVP**, sinh năm 1961; Hộ khẩu thường trú và trú tại: tầng 20, CT8A, khu đô thị mới Dương Nội, Tổ 19, phường Yên Nghĩa. Có mặt.
- **Bị đơn: Bà LTL**, sinh năm 1963; Hộ khẩu thường trú và trú tại: 403, CT8A, khu đô thị mới Dương Nội, Tổ 19, phường Yên Nghĩa. Có đơn xin vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn, các bản tự khai, ý kiến trong các buổi hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông NVP trình bày:

1/ Về quan hệ hôn nhân : ông và bà LTL tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng (nay là UBND xã Đa Lộc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên) ngày 20/9/1987. Sau khi kết hôn vợ chồng về

chung sống với nhau tại thị trấn Minh Tân, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Đến tháng 5/2018, vợ chồng chuyển về số nhà 403, CT8A, khu đô thị mới Dương Nội, Tổ 19, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để chung sống. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 10/2011, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau, bà L luôn nghĩ ông súi bầy các con coi thường bà, và luôn suy diễn ông mang tiền đi cho người khác. Hiện nay vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L.

2/ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là chị NTL, sinh năm 1988; Chị NTMN, sinh năm 1993. Các chị đều khỏe mạnh và đã lập gia đình riêng. Nếu được ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: ông không đề nghị Tòa án giải quyết.

4/Về án phí: ông P tự chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai bà LTL trình bày : Bà và ông NVP có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng ( nay là tỉnh Hưng Yên) ngày 20 tháng 9 năm 1987. Sau khi kết hôn vợ chồng ông bà ở với nhau tại tỉnh Hải Hưng. Đến tháng 6/2018, vợ chồng ông bà chuyển về phòng 403, CT8A, khu đô thị mới Dương Nội, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội để chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây ông P không muốn bà tham gia hoạt động xã hội, muốn bà thường xuyên về quê và phải chăm sóc gia đình nhưng bà không đồng ý nên ông P đòi ly hôn. Nay ông P có đơn xin ly hôn, bà cũng nhất trí ly hôn.

Về con chung : vợ chồng có 02 con chung là chị NTL, sinh năm 1988; Chị NTMN, sinh năm 1993. Các con đều khỏe mạnh và đã lập gia đình riêng. Nếu ly hôn không đề nghị Tòa án giải quyết về vấn đề con chung. Về tài sản chung, nợ chung không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản làm việc với UBND phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông cung cấp : Ông NVP và bà LTL ở tại Phòng 403, CT8A, khu đô thị mới Dương Nội, phường Yên Nghĩa. Quá trình chung sống ông bà có mâu thuẫn gì hay không chính quyền địa phương không nắm được. Nay ông P có đơn xin ly hôn với bà L đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng : việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ

án đến khi đưa vụ án ra xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của đương sự : Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Về nội dung : Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về Hôn nhân : xử cho ông NVP được ly hôn với bà LTL.

Về con chung : Cả 02 con chung đều đã trưởng thành, đã có gia đình riêng nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung : Ông P, bà L không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xem xét.

Về án phí : Ông P là người cao tuổi nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

**Về tố tụng:** Ông NVP và bà LTL có hộ khẩu thường trú và trú tại phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Bị đơn bà LTL trong quá trình giải quyết vụ không đến Tòa để làm việc, tại Biên bản lấy lời khai bà L đề nghị được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

**Về nội dung:** Ông NVP và bà LTL có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đa Lộc, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng (nay là tỉnh Hưng Yên) ngày 20/9/1987 trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc một thời gian sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông bà có quan điểm sống khác nhau. Ông P thì muốn cả hai ông bà về quê hương để gần gũi với hàng xóm tại quê, ông muốn bà chăm sóc gia đình, tôn trọng ông và các con. Còn bà L lại không đồng ý với ý kiến của ông P, bà cho rằng ông P không muốn cho bà tham gia các hoạt động xã hội, muốn bà quay về quê hương để chăm sóc gia đình. Tại biên bản lấy lời khai bà L cũng nhất trí ly hôn vì vợ chồng không thể hàn gắn được, bà không làm theo yêu cầu của ông P được. Nay ông P muốn ly hôn thì bà cũng đồng ý. Hội đồng xét xử xác định, tình cảm vợ chồng giữa ông NVP và bà LTL đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng cũng đã có thời gian để hàn gắn tình cảm tuy nhiên không thành. Căn cứ khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông NVP với bà LTL.

**Về con chung:** vợ chồng có 02 con chung là: chị NTL, sinh năm 1988; Chị NTMN, sinh năm 1993. Các con đều khỏe mạnh và đã lập gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Ông P và bà L đều không đề nghị giải quyết trong vụ án này, nên Hội đồng xét xử không xét.

**Về án phí:** ông NVP là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn án phí nên không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

***Vì các lẽ trên!***

## **QUYẾT ĐỊNH**

***Căn cứ:***

- Khoản 1 Điều 28 Điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông NVP. Xử cho ông NVP được ly hôn bà LTL.

2.Về con chung: Cả hai con chung đều đã trưởng thành và có gia đình riêng nên tòa không xem xét giải quyết.

3.Về tài sản chung, công nợ chung: Ông P, bà L đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

4.Về án phí : Do ông NVP là người cao tuổi nên được miễn án phí phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo : Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phùng Văn Tầu**

**Nguyễn Thị Tiến**

**Tưởng Thị Huyền**

**Nơi nhân:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- Chi cục THADS quận Hà Đông;
- UBND xã phường nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Tưởng Thị Huyền**



-